

Số: 13/2023/QĐST- LĐ

Tân Yên, ngày 15 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đoàn Thị Oanh

Thư ký phiên họp: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên họp: Ông Ngô Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-LĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 18/2023/QĐST- LĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: bà Lê Thị Ngọc L1 – Luật sư văn phòng luật sư Lê L1 và cộng sự (có mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

+ Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ trụ sở: tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Lan H1 – Chuyên viên (có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn đề nghị giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Bích L, bản trình bày ý kiến của bà Lê Thị Ngọc L1 là người đại diện theo ủy quyền của chị L và tại phiên họp bà Lê Thị Ngọc L1 trình bày:

Tháng 7 năm 2011, chị L mượn giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992 có địa chỉ thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH một thành viên S, địa chỉ tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc

Giang. Thời gian làm việc 01 năm 10 tháng, kể từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 4 năm 2013 thì chị L nghỉ việc theo quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 22-13/QĐGD ngày 01/6/2013. Quá trình lao động tại Công ty TNHH một thành viên S chị L có tham gia bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 2411028392 mang tên Nguyễn Thị H1. Sau khi chị L chấm dứt hợp đồng lao động, chị L đã được nhận đầy đủ tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần trong thời gian 01 năm 10 tháng tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại sổ bảo hiểm xã hội số 2411028392. Tại thời điểm chị L mượn giấy chứng minh nhân dân của chị H1 để đi ký hợp đồng lao động thì chị H1 là người lao động đang làm việc tại Công ty TNHH H2 (Công ty K), địa chỉ tại cụm C, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, chị H1 được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 2411004270. Chị H1 là người lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội là 11 năm 1 tháng, đã chốt sổ đến hết tháng 8/2022. Nay chị H1 đã nghỉ việc và đề nghị thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội nhưng do đang có 2 sổ bảo hiểm xã hội cùng mang tên chị Nguyễn Thị H1 nên cơ quan bảo hiểm xã hội không chấp nhận thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội cho chị H1.

Nay chị Nguyễn Thị Bích L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký tháng 7 năm 2011 giữa chị L ký nhưng lấy tên Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại bản trình bày ý kiến của chị Nguyễn Thị H1 và tại phiên họp chị H1 trình bày: tháng 7 năm 2011 do không hiểu biết pháp luật nên chị có cho chị Nguyễn Thị Bích L mượn chứng minh thư nhân dân để nộp hồ sơ đi làm. Tại thời điểm chị cho chị L mượn giấy chứng minh thư nhân dân thì chị đang lao động tại Công ty TNHH H2 (Công ty K), địa chỉ tại cụm C, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được cấp sổ bảo hiểm số 2411004270. Trong thời gian chị L lao động tại Công ty TNHH một thành viên S, địa chỉ tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã tham gia bảo hiểm và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 2411028392 mang tên chị là Nguyễn Thị H1. Thời gian từ tháng 7 năm 2013 đến tháng 4 năm 2013 chị đã đứng tên 02 sổ bảo hiểm xã hội. Trong đó, sổ số 2411004270 là do chị trực tiếp tham gia còn sổ số 2411028392 là do chị Nguyễn Thị Bích L tham gia. Đến nay chị đồng ý với yêu cầu của chị L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký tháng 7 năm 2011 giữa chị L ký nhưng lấy tên chị là Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S vô hiệu. Chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại bản tự khai và tại phiên họp bà Nguyễn Thị Lan H1 là người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội huyện T đồng ý với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động đã ký tháng 7 năm 2011 giữa chị L ký nhưng lấy tên Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S vô hiệu. Bà H1 đồng ý về việc chị L, chị H1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm giải quyết việc dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích L tuyên bố hợp đồng lao động đã ký tháng 7 năm 2011 giữa chị L ký nhưng lấy tên Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S vô hiệu.

- Chị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Bích L yêu cầu giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải quyết yêu cầu việc dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Bích L, bản trình bày ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của chị L, bản trình bày ý kiến của chị Nguyễn Thị H1 đều trình bày tháng 7 năm 2011, chị Nguyễn Thị Bích L có mượn chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị H1 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH một thành viên S, địa chỉ tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chị L lao động tại Công ty TNHH một thành viên S, địa chỉ tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã tham gia bảo hiểm và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 2411028392 mang tên chị là Nguyễn Thị H1. Tại thời điểm chị H1 cho chị L mượn giấy chứng minh thư nhân dân thì chị H1 đang lao động tại Công ty TNHH H2 (Công ty K), địa chỉ tại cụm C, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã được cấp sổ bảo hiểm số 2411004270. Xét thấy, việc chị Nguyễn Thị Bích L mượn chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị H1 để ký hợp đồng lao động mang tên chị Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19 Bộ luật lao động năm 2012. Chị Nguyễn Thị Bích L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động đã ký tháng 7 năm 2011 giữa chị Nguyễn Thị Bích L ký nhưng lấy tên chị Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S vô hiệu là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động đã ký tháng 7 năm 2011 giữa chị Nguyễn Thị Bích L ký nhưng lấy tên Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S vô hiệu. Do chị L, chị H1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự quy định tại khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật lao động

năm 2012; Khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Bích L. Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký tháng 7 năm 2011 giữa chị Nguyễn Thị Bích L ký nhưng lấy tên Nguyễn Thị H1 với Công ty TNHH một thành viên S vô hiệu.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng do bà Lê Thị Ngọc L1 nộp thay) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu số 0006545 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Bích L đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- Người yêu cầu; Người CQLVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đoàn Thị Oanh